

ĐIỂM CHUẨN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Năm học 2016 - 2017

TT	Tên Trường	Q/H	NV 1	NV 2	NV 3
1	THPT Trưng Vương	01	36.75	36.75	37.75
2	THPT Bùi Thị Xuân	01	37.75	38.75	39.75
3	THPT Ten Lơ Man	01	30.25	30.50	31.50
4	THPT Năng khiếu TDTT	01	21.75	22.00	23.00
5	THPT Lương Thế Vinh	01	36.50	37.50	38.50
6	THPT Giồng Ông Tố	02	24.75	25.50	26.50
7	THPT Thủ Thiêm	02	20.75	21.75	22.00
8	THPT Lê Quý Đôn	03	37.50	37.50	38.50
9	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	03	39.50	40.50	41.50
10	THPT Lê Thị Hồng Gấm	03	23.25	24.25	24.75
11	THPT Marie Curie	03	33.75	34.50	35.50
12	THPT Nguyễn Thị Diệu	03	26.50	27.50	28.00
13	THPT Nguyễn Trãi	04	27.50	28.50	29.50
14	THPT Nguyễn Hữu Thọ	04	26.75	27.50	28.25
15	Trung học thực hành Sài Gòn	05	25.25	26.25	27.25
16	THPT Hùng Vương	05	32.00	32.25	33.25
17	Trung học thực hành ĐHSP	05	40.25	41.25	42.25
18	THPT Trần Khai Nguyên	05	34.50	35.50	36.50
19	THPT Trần Hữu Trang	05	22.00	23.00	24.00
20	THPT Mạc Đĩnh Chi	06	37.50	38.50	39.50
21	THPT Bình Phú	06	32.00	32.75	33.75
22	THPT Nguyễn Tất Thành	06	26.75	27.25	28.25
23	THPT Lê Thánh Tôn	07	27.50	28.50	29.50
24	THPT Tân Phong	07	22.00	22.50	23.50
25	THPT Ngô Quyền	07	32.00	33.00	34.00
26	THPT Nam Sài Gòn	07	33.00	34.00	35.00
27	THPT Lương Văn Can	08	23.25	24.00	25.00
28	THPT Ngô Gia Tự	08	19.50	20.50	21.50
29	THPT Tạ Quang Bửu	08	25.75	26.75	27.75
30	THPT Nguyễn Văn Linh	08	18.00	19.00	20.00
31	THPT Võ Văn Kiệt	08	24.50	25.25	26.25
32	THPT năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	08	20.50	21.50	22.25

TT	Tên Trường	Q/H	NV 1	NV 2	NV 3
33	THPT Nguyễn Huệ	09	27.25	28.25	29.25
34	THPT Phước Long	09	25.25	26.25	27.25
35	THPT Long Trường	09	18.75	18.75	19.75
36	THPT Nguyễn Văn Tăng	09	17.50	18.50	19.25
37	THPT Nguyễn Khuyến	10	35.25	35.25	36.25
38	THPT Nguyễn Du	10	31.75	32.00	33.00
39	THPT Nguyễn An Ninh	10	25.00	25.50	25.50
40	THPT Diên Hồng	10	25.00	25.75	26.75
41	THPT Sương Nguyệt Anh	10	20.00	20.50	21.50
42	THPT Nguyễn Hiền	11	25.00	26.00	27.00
43	THPT Trần Quang Khải	11	29.50	30.00	30.25
44	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	11	26.50	27.50	28.50
45	THPT Võ Trường Toản	12	35.25	36.25	37.25
46	THPT Trường Chinh	12	31.00	31.75	32.75
47	THPT Thạnh Lộc	12	25.25	26.00	27.00
48	THPT Thanh Đa	Bình Thạnh	23.00	24.00	24.75
49	THPT Võ Thị Sáu	Bình Thạnh	33.50	33.75	34.75
50	THPT Gia Định	Bình Thạnh	39.00	40.00	41.00
51	THPT Phan Đăng Lưu	Bình Thạnh	27.75	28.75	29.75
52	THPT Trần Văn Giàu	Bình Thạnh	27.00	28.00	29.00
53	THPT Hoàng Hoa Thám	Bình Thạnh	29.75	30.75	31.75
54	THPT Gò Vấp	Gò Vấp	31.25	31.75	32.75
55	THPT Nguyễn Công Trứ	Gò Vấp	37.25	38.25	39.25
56	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	34.75	35.25	36.25
57	THPT Nguyễn Trung Trực	Gò Vấp	27.00	27.75	28.75
58	THPT Phú Nhuận	Phú Nhuận	38.00	39.00	40.00
59	THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	27.50	28.25	29.25
50	THPT Nguyễn Chí Thanh	Tân Bình	36.00	37.00	38.00
51	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	41.25	42.25	43.25
52	THPT Nguyễn Thái Bình	Tân Bình	31.75	32.00	32.00
53	THPT Nguyễn Hữu Huân	Thủ Đức	37.50	38.50	39.50
54	THPT Thủ Đức	Thủ Đức	33.50	34.00	35.00
55	THPT Tam Phú	Thủ Đức	29.50	30.50	31.50
56	THPT Hiệp Bình	Thủ Đức	25.25	26.25	26.50
57	THPT Đào Sơn Tây	Thủ Đức	22.25	23.25	24.00
58	THPT Bình Chánh	Bình Chánh	19.50	20.00	20.75
59	THPT Tân Túc	Bình Chánh	18.75	19.25	19.75
70	THPT Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	21.25	22.25	23.25
71	THPT Lê Minh Xuân	Bình Chánh	22.75	23.50	24.50
72	THPT Đa Phước	Bình Chánh	13.50	13.50	13.50

STT	Tên Trường	Q/H	NV 1	NV 2	NV 3
73	THPT Bình Khánh	Cần Giờ	13.25	13.25	14.25
74	THPT Cần Thạnh	Cần Giờ	13.25	13.25	13.25
75	THPT An Nghĩa	Cần Giờ	15.00	16.00	17.00
76	THPT Củ Chi	Củ Chi	23.25	24.25	25.25
77	THPT Quang Trung	Củ Chi	17.25	18.00	19.00
78	THPT An Nhơn Tây	Củ Chi	16.00	16.50	17.50
79	THPT Trung Phú	Củ Chi	23.00	24.00	25.00
80	THPT Trung Lập	Củ Chi	13.25	13.25	13.25
81	THPT Phú Hòa	Củ Chi	18.00	18.50	18.50
82	THPT Tân Thông Hội	Củ Chi	19.25	20.25	21.25
83	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Hóc Môn	37.50	38.50	39.50
84	THPT Lý Thường Kiệt	Hóc Môn	30.25	31.25	32.25
85	THPT Bà Điểm	Hóc Môn	30.00	31.00	32.00
86	THPT Nguyễn Văn Cừ	Hóc Môn	23.75	24.25	25.00
87	THPT Nguyễn Hữu Tiến	Hóc Môn	26.50	27.50	28.50
88	THPT Phạm Văn Sáng	Hóc Môn	26.50	27.00	28.00
89	THPT Long Thới	Nhà Bè	15.00	15.25	15.25
90	THPT Phước Kiển	Nhà Bè	13.50	13.50	13.50
91	THPT Dương Văn Dương	Nhà Bè	17.50	18.50	18.75
92	THPT Tân Bình	Tân Phú	34.50	34.75	35.75
93	THPT Trần Phú	Tân Phú	39.00	39.25	40.25
94	THPT Tây Thạnh	Tân Phú	33.50	34.00	35.00
95	THPT Vĩnh Lộc	Bình Tân	26.00	27.00	28.00
96	THPT Nguyễn Hữu Cánh	Bình Tân	28.50	28.50	29.50
97	THPT Bình Hưng Hòa	Bình Tân	28.75	29.50	29.75
98	THPT Bình Tân	Bình Tân	24.75	25.75	26.50
99	THPT An Lạc	Bình Tân	26.25	27.00	28.00